HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 67 /2026/NQ-HĐND	*Tây Ninh, ngày 25 tháng 9 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn cơ sở, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật;

Xét Tờ trình số 4343/TTr-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn cơ sở, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tây Ninh; Báo cáo thẩm tra số 1086/BC-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn cơ sở, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn cơ sở, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tây Ninh.

Các nội dung không quy định cụ thể tại Nghị quyết này thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và

quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm cả tổ chức khoa học và công nghệ công lập; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tiêu chuẩn cơ sở, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

Điều 3. Mức chi

1. Mức chi thực hiện các nội dung công việc có tính chất phổ biến về hoạt động tiêu chuẩn cơ sở, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

Mức chi đối với các nội dung công việc có tính chất phổ biến trong hoạt động tiêu chuẩn cơ sở, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật địa phương áp dụng theo các mức chi có nội dung tương tự quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan, bao gồm:

a) Chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị: Thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

b) Chi dịch thuật, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế, chi tiếp khách trong nước và quốc tế: Thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức các hội nghị quốc tế tại Việt Nam và các mức chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

c) Chi điều tra, khảo sát, thu thập số liệu: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành quy định nội dung chi và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm trên địa bàn tỉnh.

d) Chi thuê chuyên gia tư vấn trong nước: Áp dụng định mức chi quy định tại Thông tư số 7/2026/TT-BNV ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở xác định giá gói thầu và các quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

đ) Chi thuê chuyên gia nước ngoài: Trong trường hợp phát sinh nhu cầu thuê chuyên gia nước ngoài, đơn vị căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thuyết minh rõ sự cần thiết, kết quả và hiệu quả của việc thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở hồ sơ, tài liệu chứng minh và kết quả thương thảo về yêu cầu công việc và mức thù lao chuyên gia.

e) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn được xây dựng trên cơ sở nhu cầu, khối lượng, đơn giá theo mặt bằng giá thị trường tại thời điểm lập dự toán hoặc theo định mức hiện hành (nếu có).

2. Mức chi xây dựng kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

Ngoài các mức chi quy định tại khoản 1 Điều này đối với một số nội dung công việc có tính chất phổ biến quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN, mức chi đối với một số nội dung công việc chuyên môn về xây dựng kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương quy định như sau:

a) Mức chi biên soạn dự án xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho từng đối tượng hoặc nhóm đối tượng, lĩnh vực làm căn cứ xét duyệt để đưa vào kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn cơ sở; chi biên soạn bản đề xuất xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương làm căn cứ xét duyệt để đưa vào kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương: 1.800.000 đồng/01 dự án, bản đề xuất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Mức chi xét duyệt dự án xây dựng tiêu chuẩn cơ sở phục vụ lập kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn cơ sở; xét duyệt đề xuất xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương phục vụ lập kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Chủ trì: 1.500.000 đồng/buổi; Thành viên: 700.000 đồng/người/buổi.

3. Mức chi thực hiện nội dung chuyên môn về phổ biến tiêu chuẩn cơ sở, quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

Ngoài các mức chi quy định tại khoản 1 Điều này đối với một số nội dung công việc có tính chất phổ biến quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN, mức chi đối với một số nội dung công việc chuyên môn về phổ biến tiêu chuẩn cơ sở, quy chuẩn kỹ thuật địa phương quy định như sau:

a) Mức chi soạn thảo kế hoạch phổ biến tiêu chuẩn cơ sở, quy chuẩn kỹ thuật địa phương: 2.000.000 đồng/kế hoạch được duyệt.

b) Chi thuê tổ chức, cá nhân sáng tạo nội dung sản xuất, xuất bản các sản phẩm truyền thông để phổ biến tiêu chuẩn cơ sở, quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên các nền tảng số, mạng xã hội: Xác định theo giá niêm yết hoặc báo giá hoặc yêu cầu của tổ chức, cá nhân được thuê, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xét duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

4. Mức chi thực hiện nội dung chuyên môn về xây dựng, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

Ngoài các mức chi quy định tại khoản 1 Điều này đối với một số nội dung công việc có tính chất phổ biến quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN, mức chi đối với một số nội dung công việc chuyên môn về xây dựng, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật địa phương quy định như sau:

a) Chi thu thập, tổng hợp và đánh giá tình hình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan; nghiên cứu tài liệu kỹ thuật, tư liệu về các cam kết quốc tế có liên quan; căn cứ pháp lý, khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước và

mức độ rủi ro của đối tượng quản lý: Thực hiện theo hệ số, phương pháp xác định thù lao đối với các chức danh quy định tại Điều 9 và Điều 10 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Chi lấy mẫu phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử (nếu có) để xác định các mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật, mối nguy và mức độ rủi ro nhằm xác định phương thức, biện pháp quản lý phù hợp trong dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương. Cụ thể:

Chi mua mẫu, thuê cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguyên liệu, vật tư, hóa chất để phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử: Căn cứ khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có), giá niêm yết hoặc báo giá liên quan. Đối với việc lấy mẫu nhỏ lẻ trên nhiều địa bàn (nếu có), tiền công lấy mẫu để phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, áp dụng thử: 500.000 đồng/ngày công. Trường hợp đơn vị chủ trì xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương có chức năng, cơ sở vật chất và năng lực kỹ thuật đáp ứng yêu cầu tự thực hiện hoạt động phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử: Việc xác định hao phí cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ phân tích, khảo nghiệm, thử nghiệm hoặc áp dụng thử làm căn cứ lập dự toán xác định theo mức khấu hao tài sản quy định tại Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Sau khi quy chuẩn kỹ thuật địa phương ban hành, phần kinh phí tương ứng với chi phí hao phí tài sản được quyết toán và trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp nếu đơn vị chủ trì là đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính và quy định pháp luật có liên quan.

Tiền công phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử; biên soạn báo cáo kết quả phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử; biên soạn thuyết minh dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương và dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương; biên soạn thuyết minh đề nghị bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật địa phương; lập báo cáo kết quả thẩm định, báo cáo tiếp thu, giải trình kết quả thẩm định: 1.000.000 đồng/ngày công. Căn cứ tính chất, khối lượng, mức độ phức tạp của công việc và yêu cầu về chất lượng sản phẩm, đơn vị chủ trì xác định số ngày công làm cơ sở tính thù lao cho các thành viên tham gia; việc xác định phải gắn với nội dung công việc và sản phẩm cụ thể, có thuyết minh rõ căn cứ; kết quả xác định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. Trường hợp thuê dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm, áp dụng thử: Xác định theo giá niêm yết hoặc báo giá của nhà cung cấp.

c) Tiền công biên soạn dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương. Cụ thể:

Tiền công biên soạn dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương đơn ngành, lĩnh vực, bao gồm cả biên soạn khung nội dung dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương (nếu có): 40.000.000 đồng/01 dự thảo.

Tiền công biên soạn dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương liên ngành, bao gồm cả biên soạn khung nội dung dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương (nếu có): Bằng 200% mức chi quy định tại đầu dòng thứ nhất điểm này.

Tiền công biên soạn dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Bằng 60% mức chi tương ứng quy định tại đầu dòng thứ nhất và đầu dòng thứ hai điểm này.

d) Mức chi đánh giá tác động của dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương: 10.000.000 đồng/01 báo cáo; chi đánh giá tác động của dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương: 6.000.000 đồng/01 báo cáo.

đ) Mức chi tổ chức các cuộc họp tổ soạn thảo, hội thảo chuyên đề, hội thảo tham vấn, góp ý đối với dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Chủ trì: 1.500.000 đồng/buổi; thư ký: 700.000 đồng/buổi; đại biểu tham dự: 500.000 đồng/người/buổi.

e) Mức chi lấy ý kiến chuyên gia, nhà khoa học: 700.000 đồng/01 phiếu ý kiến; chi tổng hợp, xử lý các ý kiến góp ý: 2.000.000 đồng/bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý.

g) Mức chi họp Hội đồng thẩm định quy chuẩn kỹ thuật địa phương, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Chủ tịch Hội đồng: 1.800.000 đồng/buổi; thành viên: 1.500.000 đồng/người/buổi; chi lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của thành viên vắng mặt tại cuộc họp thẩm định: 1.000.000 đồng/01 phiếu ý kiến.

h) Mức chi đăng tải hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương lấy ý kiến rộng rãi; kết quả tham vấn, giải trình, tiếp thu ý kiến đối với hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên cổng thông tin điện tử và cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng: 1.000.000 đồng/01 hồ sơ/01 nơi đăng tải.

5. Mức chi thực hiện nội dung chuyên môn về đánh giá hiệu quả áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

Ngoài các mức chi quy định tại khoản 1 Điều này đối với một số nội dung công việc có tính chất phổ biến quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN, mức chi đối với một số nội dung công việc chuyên môn về đánh giá hiệu quả áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, quy chuẩn kỹ thuật địa phương quy định như sau:

a) Mức chi tổ chức khảo sát, thu thập thông tin, dữ liệu, đánh giá, phân tích và xử lý thông tin, dữ liệu về hiệu quả áp dụng của tiêu chuẩn cơ sở, quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành quy định nội dung chi và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm trên địa bàn tỉnh.

b) Mức chi lấy ý kiến chuyên gia: 500.000 đồng/01 phiếu ý kiến đối với quy chuẩn kỹ thuật địa phương; 200.000 đồng/01 phiếu ý kiến đối với tiêu chuẩn cơ sở.

c) Chi hội thảo chuyên đề góp ý: Chủ trì: 1.500.000 đồng/buổi; thư ký: 700.000 đồng/buổi; đại biểu: 300.000 đồng/người/buổi.

d) Tiền công lập báo cáo kết quả rà soát, đánh giá hiệu quả áp dụng tiêu chuẩn cơ sở: 1.000.000 đồng/01 báo cáo; lập báo cáo kết quả rà soát, đánh giá hiệu quả quy chuẩn kỹ thuật địa phương: 5.000.000 đồng/01 báo cáo.

6. Mức chi thực hiện nội dung chuyên môn về xây dựng tiêu chuẩn cơ sở do cơ quan nhà nước công bố.

Ngoài các mức chi quy định tại khoản 1 Điều này đối với một số nội dung công việc có tính chất phổ biến quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN, mức chi đối với một số nội dung công việc chuyên môn về xây dựng tiêu chuẩn cơ sở do cơ quan nhà nước công bố quy định như sau:

a) Chi đánh giá thực trạng; nghiên cứu các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, tài liệu và kết quả nghiên cứu khoa học liên quan; lấy mẫu phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, vận hành, áp dụng thử (nếu có) để xác định các chỉ tiêu, đặc tính kỹ thuật, yêu cầu quản lý của dự thảo tiêu chuẩn cơ sở: Bằng 70% mức chi nội dung tương tự quy định tại điểm a, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 15 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN.

b) Chi mua tài liệu, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, kết quả nghiên cứu khoa học liên quan: Thực hiện theo giá niêm yết hoặc báo giá hoặc giá bán của tài liệu, tiêu chuẩn cần mua.

c) Tiền công biên soạn dự thảo tiêu chuẩn cơ sở và thuyết minh dự thảo: 20.000.000 đồng/01 dự thảo tiêu chuẩn kèm thuyết minh.

d) Chi hội thảo chuyên đề, hội thảo góp ý hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn cơ sở: Chủ trì: 1.000.000 đồng/buổi; thư ký: 500.000 đồng/buổi; đại biểu tham dự: 200.000 đồng/người/buổi.

đ) Chi xin ý kiến chuyên gia đối với dự thảo tiêu chuẩn cơ sở: 500.000 đồng/01 phiếu ý kiến.

e) Chi tổng hợp, xử lý các ý kiến góp ý đối với dự thảo tiêu chuẩn cơ sở: 1.000.000 đồng/bảng tổng hợp.

g) Chi thẩm tra dự thảo tiêu chuẩn cơ sở: Nếu thẩm tra theo phương pháp hội đồng thì áp dụng mức chi cho thành viên hội đồng bằng 70% mức chi đối với thành viên họp hội đồng thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia quy định tại điểm n khoản 1 Điều 15 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN; nếu thẩm tra theo phương pháp chuyên gia thì mức chi là 1.000.000 đồng/01 phiếu thẩm tra.

7. Mức chi thực hiện hoạt động chuyên môn về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia đạt trình độ quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Ngoài các mức chi quy định tại khoản 1 Điều này đối với một số nội dung công việc có tính chất phổ biến quy định tại Điều 8 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN, mức chi đối với một số nội dung công việc chuyên môn về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia đạt trình độ quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định như sau:

a) Chi mua bản quyền tài liệu, giáo trình, sách phục vụ công tác đào tạo, tập huấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: Xác định theo giá niêm yết hoặc báo giá của tổ chức giữ bản quyền tài liệu, giáo trình.

b) Phí đăng ký các khóa đào tạo, tập huấn trong nước: Thực hiện theo yêu cầu, giá niêm yết hoặc báo giá của nơi tổ chức đào tạo, bồi dưỡng.

c) Chi phát triển chương trình đào tạo, học phần, môn học về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong các trường đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Được áp dụng nội dung chi và định mức chi quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi cụ thể cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cho công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

d) Chi thuê chuyên gia, giảng viên trong nước để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đạt trình độ quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: Tiền công xác định theo yêu cầu của chuyên gia, giảng viên phù hợp với yêu cầu đặt hàng của cơ quan chủ trì và chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo chất lượng cao, đạt trình độ quốc tế.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách nhà nước: Nguồn chi thường xuyên lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được phân bổ hằng năm theo phân cấp ngân sách.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An quy định mức chi xây dựng tiêu chuẩn cơ sở áp dụng trong hoạt động của cơ quan nhà nước và quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh Long An.

3. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 7 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 25 tháng 9 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội (b/c);
- Các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Tư pháp, Tài chính (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp (b/c);
- Vụ Pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Tây Ninh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XI;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh (Văn phòng UBND tỉnh);
- Lưu: VT, CT.HĐND, (tructhao).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thanh